

Số: 4757/QĐ-BNN-KHCN

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt danh mục và kinh phí thực hiện đề tài khoa học và công nghệ  
tiềm năng cấp Bộ bắt đầu thực hiện từ năm 2020**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 18/2015/TT-BNNPTNT ngày 24/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 3978/QĐ-BNN-TCCB ngày 18/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phân cấp quản lý đề tài khoa học và công nghệ tiềm năng của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt danh mục và kinh phí thực hiện đề tài khoa học và công nghệ tiềm năng cấp Bộ bắt đầu thực hiện từ năm 2020 (Danh mục kèm theo).

**Điều 2.** Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn các tổ chức/cá nhân chủ trì thực hiện đề tài khoa học và công nghệ tiềm năng theo quy định về quản lý khoa học công nghệ và quản lý tài chính của Nhà nước.

**Điều 3.** Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện đề tài khoa học và công nghệ tiềm năng cấp Bộ được giao tại Điều 1 của Quyết định này thực hiện quản lý, tổ chức triển khai theo quy định tại Thông tư số 18/2015/TT-BNNPTNT ngày 24/4/2015, Quyết định số 3978/QĐ-BNN-TCCB ngày 18/10/2019 và các quy định hiện hành.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ trưởng Vụ tài chính, tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài khoa học và công nghệ tiềm năng cấp Bộ, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KHCN (KTD.30 b).



**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG**

**Lê Quốc Doanh**

**DANH MỤC VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TIỀM NĂNG CẤP BỘ  
BẮT ĐẦU THỰC HIỆN NĂM 2020**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4757/QĐ-BNN-KHCN ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)



TT	Tên Đề tài	Tổ chức/ cá nhân chủ trì	Mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (Tr. đồng)	Kinh phí các năm (Tr.đồng)		
							2020	2021	2022
<b>I</b>	<b>Trồng trọt - BVTV</b>					<b>9430</b>	<b>4560</b>	<b>3170</b>	<b>1700</b>
1.	Nghiên cứu khả năng chống chịu bệnh thán thư của một số giống nho nhập nội.	Viện Nghiên cứu Bông và PTNN Nha Hồ/ ThS. Nguyễn Văn Chính	Đánh giá, chọn lọc được một số giống nho có khả năng chống chịu tốt bệnh thán thư làm thực liệu cho công tác lai tạo giống kháng bệnh.	- Báo cáo đánh giá khả năng chống chịu bệnh thán thư của các giống dòng/giống nho nhập nội và trong nước. - Đề xuất và giới thiệu 01-03 dòng/giống nho có khả năng kháng bệnh dưới cấp 5 (trong thang điểm 9 cấp) có tiềm năng suất và chất lượng cao hơn giống đối chứng Cardinal ăn tươi. - 01 bài báo trên tạp chí chuyên ngành.	2020-2022	450	250	100	100
2.	Nghiên cứu tuyển chọn dòng/giống gốc ghép có khả năng kháng nấm <i>Phytophthora</i> spp. và tuyển trùng cho hồ tiêu	Viện KHKT NLN Tây Nguyên/ ThS. Nguyễn Quang Ngọc	Đánh giá được khả năng làm gốc ghép để cải thiện tính kháng nấm <i>Phytophthora</i> spp. và tuyển trùng của hồ tiêu	- Báo cáo đánh giá khả năng kháng nấm <i>Phytophthora</i> spp. và tuyển trùng của tối thiểu 03 loại gốc ghép phù hợp cho cây hồ tiêu. - 01 dòng/giống gốc ghép hồ tiêu có khả năng kháng nấm <i>Phytophthora capsici</i> - 01 bài báo trên tạp chí chuyên ngành	2020-2021	400	200	200	
3.	Nghiên cứu sử dụng các loài nấm đối kháng để kiểm soát <i>Phytophthora</i>	Viện KHKT Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc/ ThS. Phùng	Chọn lọc một số chủng nấm đối kháng có hoạt tính, dùng để kiểm soát các loài	- 01 báo cáo đánh giá tình hình gây hại của các loài <i>Phytophthora</i> trên cây ăn quả có múi tại các vùng sản xuất tập trung ở vùng miền núi phía Bắc. - 02 chủng nấm đối kháng có khả năng kiểm soát trên 70% bệnh thối rễ, thối gốc	2020-2021	400	200	200	

TT	Tên Đề tài	Tổ chức/ cá nhân chủ trì	Mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (Tr. đồng)	Kinh phí các năm (Tr.đồng)		
							2020	2021	2022
	<i>spp.</i> gây bệnh thối rễ, thối gốc trên cây ăn quả có múi ở vùng miền núi phía Bắc	Mạnh Hùng	<i>Phytophthora</i> gây bệnh thối rễ, thối gốc trên cây ăn quả có múi ở vùng miền núi phía Bắc	trên cây ăn quả có múi do nấm <i>Phytophthora</i> gây ra ở phía Bắc. - 01 bài báo trên tạp chí chuyên ngành.					
4.	Nghiên cứu tạo dòng dâu tây triển vọng phù hợp với canh tác ứng dụng công nghệ cao trong nhà lưới	Viện KHKTNN Miền Nam/ ThS. Nguyễn Thế Nhuận	Tạo được một số dòng dâu tây có năng suất cao, chất lượng tốt phù hợp cho sản xuất dâu tây công nghệ cao trong điều kiện nhà lưới	- 02 dòng dâu tây triển vọng phù hợp với điều kiện canh tác công nghệ cao trong nhà lưới (năng suất trung bình đạt 25 - 30 tấn/ha, hình dạng quả đẹp, chín màu đỏ tươi, tỷ lệ quả loại 01 đạt tối thiểu 70%, kích thước quả loại 01 tối thiểu 10g/quả; độ brix đạt > 10%, độ cứng quả khá, kháng khá với một số loại bệnh hại chính như thán thư, đốm lá vi khuẩn...). - 01 bài báo trên tạp chí chuyên ngành.	2020-2021	450	250	200	
5.	Nghiên cứu nguy cơ dịch hại và biện pháp kiểm soát lúa cỏ ( <i>Oryza spp.</i> ) ở đồng bằng sông Cửu Long	Viện Lúa đồng bằng Sông Cửu Long/ TS. Nguyễn Thế Cường	Đánh giá được hiện trạng xâm nhiễm, mức độ gây hại, nguy cơ trở thành dịch hại của các loài lúa cỏ tại các vùng sản xuất lúa chính ở đồng bằng sông Cửu Long	-01 báo cáo hiện trạng và nguy cơ dịch hại của các dòng lúa cỏ tại vùng trồng lúa chính đồng bằng sông Cửu Long (thành phần; phân bố; đặc điểm nông, sinh học; điều kiện và khả năng phát tán; khả năng bùng phát số lượng và nguy cơ gây hại). - 01 bộ mẫu tiêu bản kèm mô tả chi tiết về đặc điểm hình thái phục vụ phân loại đến dòng lúa cỏ tại vùng đồng bằng sông Cửu Long. - 01 Hướng dẫn nhận diện sớm lúa cỏ tại đồng bằng sông Cửu Long. - 01 bài báo trên tạp chí chuyên ngành.	2020-2021	400	200	200	
6.	Nghiên cứu phương pháp	Viện Cây lương thực	Bước đầu áp dụng phương pháp	- 01 dòng trung gian có các đặc điểm nông sinh học phù hợp với điều kiện	2020-2022	500	150	150	200

TT	Tên Đề tài	Tổ chức/ cá nhân chủ trì	Mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (Tr. đồng)	Kinh phí các năm (Tr.đồng)		
							2020	2021	2022
	lai nhiều bố mẹ (MAGIC – Multi- parent advanced generation intercross) phục vụ mục tiêu chọn giống lúa chất lượng cao mang đa gen kháng sâu bệnh, điều kiện bất thuận tại Việt Nam.	và CTP/ ThS. Lưu Thị Thúy	pháp lai nhiều bố mẹ (MAGIC – Multi-parent advanced generation intercross) phục vụ mục tiêu chọn giống lúa chất lượng cao mang đa gen kháng sâu bệnh, điều kiện bất thuận tại Việt Nam	canh tác lúa tại Việt Nam và tích hợp được ít nhất 02 tính kháng với sâu bệnh hại chính, điều kiện bất thuận. - 01 bài báo trên tạp chí chuyên ngành.					
7.	Nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật chiếu xạ gamma, nguồn Co-60 có hoạt độ 236 Ci, trong tạo nguồn vật liệu khởi đầu cho chọn tạo giống lúa	Viện Di truyền Nông nghiệp/ ThS. Đoàn Văn Sơn	Thử nghiệm thành công kỹ thuật chiếu xạ tia gamma nguồn Co-60 có hoạt độ 236 Ci trong tạo nguồn vật liệu khởi đầu cho chọn tạo giống lúa	- 50 dòng lúa đột biến thể hệ M6 có biểu hiện kiểu hình của một trong những đặc tính: năng suất, chất lượng, khả năng chống chịu sâu bệnh hại chính (bạc lá, đạo ôn, rầy nâu) và điều kiện bất thuận (hạn, mặn...) - 01 bài báo trên tạp chí chuyên ngành.	2020-2022	400	150	100	150
8.	Nghiên cứu xác định nguyên nhân gây bệnh thối nhũn hành,	Viện Bảo vệ thực vật/ ThS. Ngô Quang Huy	Xác định được nguyên nhân gây bệnh và đặc điểm sinh học, sinh thái của tác nhân	- 01 báo cáo nguyên nhân gây bệnh, đặc điểm sinh học, sinh thái của tác nhân gây bệnh và bước đầu đề xuất biện pháp phòng trừ. - 01 bộ tiêu bản mẫu bệnh.	2020-2021	390	240	150	

TT	Tên Đề tài	Tổ chức/ cá nhân chủ trì	Mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (Tr. đồng)	Kinh phí các năm (Tr.đồng)		
							2020	2021	2022
	tôi tại các tỉnh phía Bắc		gây bệnh và đề xuất biện pháp phòng trừ phù hợp.	- 01 bài báo trên tạp chí chuyên ngành.					
9.	Nghiên cứu chọn lọc dòng thuần ngô có hàm lượng protein cao phục vụ chọn giống ngô lai cho các tỉnh phía Bắc.	Viện Nghiên cứu Ngô/ ThS. Lương Thái Hà	Chọn lọc được dòng/giống thuần ngô có hàm lượng protein cao, có khả năng kết hợp cao phục vụ chọn giống ngô lai cho các tỉnh phía Bắc.	- 01 báo cáo đánh giá kiểu gen và kiểu hình của các dòng thuần triển vọng. - 02 dòng thuần triển vọng có hàm lượng protein > 9%, năng suất đạt tối thiểu 3 tấn/ha, có khả năng kết hợp cao. - 01 bài báo trên tạp chí chuyên ngành.	2020-2022	450	250	100	100
10.	Nghiên cứu tạo dòng đậu xanh năng suất cao cho các tỉnh phía Bắc	Trung tâm Tài nguyên thực vật/ ThS. Trần Quang Hải Bắc	Chọn được các dòng đậu xanh có năng suất cao, chất lượng tốt cho các tỉnh phía Bắc.	- 01 báo cáo đánh giá kiểu gen, kiểu hình một số nguồn vật liệu hiện có tại Trung tâm Tài nguyên thực vật. - 01-02 dòng đậu xanh triển vọng có năng suất >2,0 tấn/ha, chất lượng tốt, kháng bệnh phấn trắng. - 01 bài báo trên tạp chí chuyên ngành.	2020-2022	400	200	100	100
11.	Nghiên cứu tạo dòng lạc năng suất và chịu hạn triển vọng	Viện KHKTNN Bắc Trung Bộ/ ThS. Trần Duy Việt	Tạo được các dòng lạc năng suất và chịu hạn triển vọng	- 03 dòng lạc triển vọng có năng suất >2,5 tấn/ha; khả năng chịu hạn trong điều kiện thí nghiệm (điểm 3), mang gen/ QTL chịu hạn. - 01 bài báo trên tạp chí chuyên ngành.	2020-2022	400	200	100	100
12.	Nghiên cứu sản xuất thử nghiệm phân bón hữu cơ sinh học giàu axit amin từ	Viện Thổ nhưỡng Nông hóa/ ThS. Nguyễn Việt Hiệp	Sản xuất thử nghiệm được một số loại phân bón hữu cơ sinh học, dạng lỏng bằng công nghệ lên	- Quy trình lên men, chiết xuất phế phụ phẩm công nghiệp chế biến thủy sản, giết mổ gia súc và cỏ Lào để sản xuất phân bón hữu cơ sinh học dạng lỏng ứng dụng cho sản xuất nông nghiệp hữu cơ - 01 bài báo trên tạp chí chuyên ngành.	2020-2022	400	200	100	100

TT	Tên Đề tài	Tổ chức/ cá nhân chủ trì	Mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (Tr. đồng)	Kinh phí các năm (Tr.đồng)		
							2020	2021	2022
	phụ phẩm nông nghiệp		men, chiết xuất phế phụ phẩm công nghiệp chế biến thủy sản, giết mổ gia súc và cò Lào						
13.	Nghiên cứu công nghệ sản xuất phân bón hỗn hợp NPK nhà chậm bọc lưu huỳnh theo lớp cho lúa, rau màu	Viện Thổ nhưỡng Nông hóa/ ThS. Lê Thị Minh Lương	Sản xuất được phân hỗn hợp NPK nhà chậm bọc lưu huỳnh theo từng lớp dinh dưỡng sử dụng cho lúa và rau màu	- Quy trình sản xuất phân hỗn hợp NPK nhà chậm bọc lưu huỳnh theo lớp dinh dưỡng cho từng giai đoạn phát triển của cây lúa và rau màu. - 01 bài báo trên tạp chí chuyên ngành.	2020-2022	500	200	130	170
14.	Nghiên cứu biện pháp kỹ thuật điều khiển ra hoa đối với giống hoa địa lan Trần Mộng Xuân ( <i>Cymbidium lowianum</i> )	Viện Nghiên cứu Rau quả/ ThS. Hà Thị Thanh Nga	Đề xuất được quy trình điều khiển sự ra hoa giống địa lan Trần Mộng Xuân vào đúng dịp Tết Nguyên Đán ở đồng bằng sông Hồng	- 01 báo cáo đánh giá các tác động của các yếu tố ngoại sinh đến sự ra hoa của giống địa lan Trần Mộng Xuân. - 01 quy trình điều khiển sự ra hoa giống địa lan Trần Mộng Xuân vào đúng dịp Tết Nguyên Đán với tỉ lệ trên 80% ở đồng bằng sông Hồng. - 02 bài báo trên tạp chí chuyên ngành.	2020- 2022	450	220	100	130
15.	Nghiên cứu biện pháp quản lý bệnh hại dâu tằm do vi khuẩn tại các tỉnh miền Bắc.	Trung tâm Nghiên cứu Dâu tằm tơ TW/ ThS. Nguyễn Thúy Hạnh	Xác định được nguyên nhân chính gây bệnh hoại huyết trên tằm dâu ở miền Bắc	- Xác định tác nhân chính và đặc điểm sinh học, sinh thái của tác nhân gây bệnh hoại huyết. - Bước đầu đề xuất biện pháp phòng trừ bệnh phù hợp. - 01 bài báo trên tạp chí chuyên ngành.	2020-2022	400	200	100	100

TT	Tên Đề tài	Tổ chức/ cá nhân chủ trì	Mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (Tr. đồng)	Kinh phí các năm (Tr.đồng)		
							2020	2021	2022
16.	Nghiên cứu chọn tạo một số dòng ớt chi địa cho các tỉnh phía Nam	Viện Cây ăn quả Miền Nam/ ThS. Huỳnh Thị Phương Liên	Chọn tạo được dòng ớt chi địa lai mới có năng suất cao, có khả năng chống chịu bệnh phù hợp với điều kiện tự nhiên ở các tỉnh phía Nam	- 02 dòng ớt chi địa lai năng suất tối thiểu 15 tấn/ha, dạng quả đẹp, quả màu đỏ đậm, thịt dày, chắc và cay, chống chịu khá với bệnh thán thư tối thiểu cấp 3. - 01 bài báo trên tạp chí chuyên ngành.	2020-2022	400	200	100	100
17.	Nghiên cứu cải tiến quy trình thâm canh mía trên địa hình đất dốc tại một số vùng trồng mía ở Tây Nguyên	Viện Nghiên cứu Mía đường/ ThS. Phạm Văn Tùng	Cải tiến được quy trình kỹ thuật thâm canh mía phù hợp với điều kiện đất dốc ở Tây Nguyên	- 01 quy trình thâm canh mía cải tiến phù hợp với địa hình đất dốc tại Tây Nguyên đạt năng suất tối thiểu 75 tấn/ha, chữ đường > 11 CCS. - 01 bài báo trên tạp chí chuyên ngành.	2020-2022	450	180	120	150
18.	Nghiên cứu quy trình nhân giống cây chè tím ( <i>Camellia sinensis</i> ) bằng nuôi cấy mô nhằm duy trì và phát triển giống chè quý hiếm	Viện KHKT Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc/ TS. Nguyễn Hồng Chuyên	Xây dựng được quy trình nhân giống vô tính cây chè tím bằng nuôi cấy mô nhằm góp phần đa dạng sản phẩm và nâng cao giá trị sản phẩm cây chè.	- 01 quy trình nhân giống chè tím bằng nuôi cấy mô. - 01 bài báo trên tạp chí chuyên ngành.	2020- 2021	400	200	200	
19.	Nghiên cứu biện pháp kỹ thuật trồng	Trường Đại học Nông – Lâm Bắc	Xây dựng được quy trình trồng giống nho Hạ đen	- 01 quy trình trồng giống nho Hạ đen cho các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc. - 01 bài báo trên tạp chí chuyên ngành.	2020-2022	490	210	180	100

TT	Tên Đề tài	Tổ chức/ cá nhân chủ trì	Mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (Tr. đồng)	Kinh phí các năm (Tr.đồng)		
							2020	2021	2022
	giống nho Hạ đen nhập nội từ Trung Quốc tại một số tỉnh Trung du miền núi phía Bắc	Giang/ ThS. Phùng Duy Hiếu	cho một số tỉnh Trung du miền núi phía Bắc						
20.	Nghiên cứu tuyển chọn giống Sacha inchi phù hợp cho vùng sinh thái phía Bắc	Học viện Nông nghiệp Việt Nam/ ThS. Vũ Văn Quang	Tuyển được giống Sacha inchi năng suất cao, chất lượng tốt thích ứng với các vùng sinh thái phía Bắc	- 01 dòng/giống được tuyển chọn từ tập đoàn có tiềm năng năng suất cao, thích ứng với vùng sinh thái phía Bắc. - 01 bài báo trên tạp chí ngoài nước.	2020-2022	450	200	150	100
21.	Nghiên cứu phát triển nguồn vật liệu phục vụ chọn tạo giống ngô trái cây giàu chất kháng ô xy hóa anthocyanin	Học viện Nông nghiệp Việt Nam/ ThS. Phạm Quang Tuấn	Chọn lọc được nguồn vật liệu ngô trái cây có hàm lượng anthocyanin cao, có khả năng kết hợp cao, chống chịu tốt với các điều kiện môi trường.	- 01- 02 dòng/giống ngô trái cây có các đặc điểm mỏng vỏ (35-60µm), độ ngọt cao ( $^{\circ}\text{Brix} \geq 13$ ), hàm lượng anthocyanin cao, có khả năng kết hợp cao. - 01 bài báo trên tạp chí ngoài nước.	2020-2021	400	200	200	
22.	Nghiên cứu đặc điểm sinh học, sinh thái của sâu keo mùa thu ( <i>Spodoptera frugiperda</i> ) hại ngô và	Trung tâm Bảo vệ thực vật phía Bắc – Cục Bảo vệ thực vật/ ThS. Dương Thị Ngà	Xác định đặc điểm sinh học, sinh thái và bổ sung một số biện pháp vào quy trình phòng chống sâu keo mùa thu	- Báo cáo về đặc điểm sinh học sinh thái của sâu keo mùa thu ( <i>Spodoptera frugiperda</i> ). - Đề xuất bổ sung sửa đổi quy trình phòng chống sâu keo mùa thu ( <i>Spodoptera frugiperda</i> ) hại ngô có hiệu quả và dễ áp dụng cho các vùng trồng ngô tập trung nâng cao năng suất, chất	2020 - 2021	450	260	190	



TT	Tên Đề tài	Tổ chức/ cá nhân chủ trì	Mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (Tr. đồng)	Kinh phí các năm (Tr.đồng)		
							2020	2021	2022
	biện pháp phòng chống		( <i>Spodoptera frugiperda</i> ).	lượng, bền vững và thân thiện với môi trường. - 01 bài báo trên tạp chí chuyên ngành.					
<b>II</b>	<b>Chăn nuôi – Thú y</b>					<b>2338</b>	<b>1800</b>	<b>378</b>	<b>160</b>
23.	Nghiên cứu chọn tạo lợn bản địa ít bản sao hoặc không mang gen vi rút nội sinh	Phòng thí nghiệm trọng điểm Công nghệ TBDV/ ThS. Nguyễn Văn Ba	Chọn tạo được quần thể lợn bản địa mang ít hoặc không mang bản sao vi rút nội sinh (Porcine Endogenous Retrovirus- PERV)	- Tạo được quần thể 5-6 lợn nái và 5-6 lợn đực bản địa có số lượng bản sao gen PERV nhỏ hơn 6,4 bản sao. - Đánh giá được khả năng sản xuất của lợn bản địa có số lượng bản sao gen PERV nhỏ hơn 6,4. - 01 quy trình chăn nuôi lợn bản địa có số lượng bản sao gen PERV nhỏ hơn 6,4 bản sao.	2020 -2022	500	170	170	160
24.	Nghiên cứu một số yếu tố môi trường trong nhà yến ảnh hưởng đến năng suất yến sào tại các tỉnh vùng Nam bộ	Phân viện Chăn nuôi Nam Bộ/ ThS. Đậu Văn Hải	Xác định được một số yếu tố về nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng và tiếng ồn tối ưu nhất trong nhà yến để năng suất yến sào đạt cao nhất đảm bảo phát triển nghề chăn nuôi chim yến bền vững tại Việt Nam	- Đánh giá được hiện trạng nghề chăn nuôi chim yến ở 19 tỉnh Nam Bộ. - Xác định được các thông số kỹ thuật về nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng và tiếng ồn tối ưu nhất trong nhà yến để năng suất yến sào đạt cao nhất/m <sup>2</sup> chuồng nuôi.	2020	500	500		
25.	Xác định tỷ lệ lưu hành huyết thanh đương tính với virus Viêm gan E	Bộ Môn Virus - Viện Thú Y/ TS. Bùi Nghĩa Vượng	- Xây dựng được một số phương pháp phân tích trong phòng thí nghiệm phục vụ nghiên cứu Viêm	- Một phương pháp chẩn đoán phát hiện virus viêm gan E. - Báo cáo kết quả phân tích huyết thanh và genotype đang lưu hành được nghiệm thu. - Bài báo gửi tạp chí khoa học được xác	2020	350	350		

TT	Tên Đề tài	Tổ chức/ cá nhân chủ trì	Mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (Tr. đồng)	Kinh phí các năm (Tr.đồng)		
							2020	2021	2022
	trong quần thê lợn tại Việt Nam, xác định genotype		gan E. - Bước đầu xác định được tỷ lệ huyết thanh dương tính. - Xác định được genotype virus viêm gan E đang lưu hành.	nhận của tạp chí					
26.	Nghiên cứu chiết xuất sản phẩm Beta Glucan từ phụ phẩm men bia tại các nhà máy bia sử dụng enzyme từ chủng vi khuẩn chịu nhiệt và chịu kiềm	Học viện Nông nghiệp Việt Nam/ ThS. Trịnh Thị Thu Thủy	Chế phẩm chiết xuất của vách tế bào nấm men có hàm lượng Beta Glucan cao.	- 10 kg chế phẩm chiết xuất của vách tế bào nấm men bị phá vỡ (độ ẩm <10%, protein >45%, hàm lượng Beta Glucan > 10% bã men khô). - Quy trình phá vỡ vách tế bào nấm men đạt hiệu suất suất >85%. - 02 bài báo khoa học - Tham gia đào tạo 01 thạc sỹ	2020-2021	493	390	103	
27.	Nghiên cứu sự lưu hành của Avian metapneumov irus (aMPV) trong bệnh hô hấp phức hợp ở gà nuôi tại miền Bắc	Học viện Nông nghiệp Việt Nam/ TS. Nguyễn Văn Giáp	Xác định được sự hiện diện và vai trò của aMPV trong bệnh hô hấp phức hợp ở gà	- Chủng virus aMPV phân lập ( $\geq$ 01 chủng) - Báo cáo giải trình tự gen G. - Báo cáo về sự lưu hành aMPV: Trả lời được câu hỏi có/ không có aMPV lưu hành ở gà nuôi tại miền Bắc, đặc điểm lưu hành các subtype virus. Trả lời được các chủng virus vacxin có phù hợp chúng với các subtype hiện lưu hành hay không.	2020-2021	495	390	105	

TT	Tên Đề tài	Tổ chức/ cá nhân chủ trì	Mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (Tr. đồng)	Kinh phí các năm (Tr.đồng)		
							2020	2021	2022
				- Báo cáo về vai trò của aMPV trong bệnh hô hấp phức hợp ở gà: aMPV chiếm tỷ lệ cao/thấp trong các trường hợp có bệnh lâm sàng; thường có mặt của bao nhiêu loại mầm bệnh trong các ca bệnh lâm sàng. - Dự thảo 01 Bài báo quốc tế; - Đào tạo 01 thạc sỹ, 02 sinh viên đại học					
<b>III</b>	<b>Cơ điện và CNSTH</b>					<b>910</b>	<b>520</b>	<b>390</b>	
28.	Nghiên cứu công nghệ sản xuất pectin từ vỏ quả cam, chanh, chanh leo tươi	Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch/ ThS. Đỗ Thị Thu Hiền	Xây dựng được quy trình công nghệ sản xuất pectin từ vỏ quả cam, chanh, chanh leo tươi bước đầu làm cơ sở cho sản xuất ở quy mô công nghiệp	- 01 quy trình công nghệ sản xuất pectin từ vỏ quả cam, chanh, chanh leo tươi quy mô 50 kg/m <sup>2</sup> ; Sản phẩm pectin đạt tiêu chuẩn: + Hàm lượng axit galacturonic $\geq 65\%$ + Độ ẩm $\leq 12\%$ + An toàn thực phẩm (theo QCVN 4-21: 2011/BYT) + Thời gian sử dụng tối thiểu 6 tháng. - 01 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành.	2020-2021	300	140	160	
29.	Nghiên cứu thăm dò khả năng thiết kế và chế tạo máy phân loại quả tự động theo trọng lượng ứng dụng trong công nghiệp chế biến rau quả	Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch / ThS. Hoàng Văn Mạnh	Xác định được những thông số ảnh hưởng đến khả năng phân loại xoài theo trọng lượng phù hợp với điều kiện sản xuất ở Việt Nam	- Giàn thí nghiệm phân loại theo trọng lượng: + Năng suất: 100 đến 200 kg/giờ; + Trọng lượng quả phân loại: 0,2 đến 2 kg; + Sai số phân loại 10% trọng lượng quả. - Bộ bản vẽ thiết kế giàn thí nghiệm và bộ bản vẽ thiết kế máy phân loại theo trọng lượng phù hợp với quy mô sản xuất ở Việt Nam (theo TCVN). - 01 bài báo đăng trên tạp chí chuyên	2020-2021	310	200	110	

TT	Tên Đề tài	Tổ chức/ cá nhân chủ trì	Mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (Tr. đồng)	Kinh phí các năm (Tr.đồng)		
							2020	2021	2022
				ngành.					
30.	Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật giai đoạn sau thu hoạch nhằm kéo dài thời gian bảo quản quả na	Viện Nghiên cứu Rau quả - Viện Khoa học Nông nghiệp VN/ ThS. Nguyễn Đức Hạnh	Đề xuất được biện pháp kỹ thuật trong giai đoạn sau thu hoạch nhằm kéo dài thời gian bảo quản trên 15 ngày, tỉ lệ thối hỏng dưới 10% đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm.	- Bảng độ già thu hái và tiêu chuẩn nguyên liệu quả na phục vụ cho mục đích bảo quản tươi. - Báo cáo đề xuất giải pháp kỹ thuật kéo dài thời gian bảo quản quả na trên 15 ngày, tỷ lệ thối, hỏng dưới 10%. - 01 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành.	2020-2021	300	180	120	
<b>IV</b>	<b>Lâm nghiệp</b>					<b>3300</b>	<b>1940</b>	<b>1260</b>	<b>100</b>
31.	Nghiên cứu chọn giống và kỹ thuật gây trồng cây Tô hạp điện biên ( <i>Altingia siamensis</i> Craib) cung cấp gỗ lớn cho các tỉnh miền núi phía Bắc.	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam/ ThS. Nguyễn Văn Hùng	- Tuyển chọn được cây trội Tô hạp điện biên. - Xác định được kỹ thuật nhân giống Tô hạp điện biên bằng hạt. - Xây dựng được mô hình thử nghiệm trồng rừng Tô hạp điện biên	- 30 cây trội Tô hạp điện biên. - 1,2 ha mô hình thử nghiệm trồng rừng. - 01 hướng dẫn kỹ thuật nhân giống Tô hạp điện biên bằng hạt.	2020 - 2021	400	250	150	
32.	Nghiên cứu Công nghệ tạo vật liệu Composite gỗ	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam/ ThS.	- Đề xuất được quy trình công nghệ tạo vật liệu composite gỗ	- Thông số công nghệ tẩy trắng tạo cốt gỗ thẩu quang quy mô phòng thí nghiệm đảm bảo cốt gỗ giữ được cấu trúc, không bị mủn, lượng lignin được tách đạt từ	2020-2021	400	250	150	

TT	Tên Đề tài	Tổ chức/ cá nhân chủ trì	Mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (Tr. đồng)	Kinh phí các năm (Tr.đồng)		
							2020	2021	2022
	nhựa thấu quang dùng trong xây dựng và sản xuất đồ gỗ	Nguyễn Thị Trịnh	nhựa thấu quang quy mô phòng thí nghiệm/ - Tạo được 10 mẫu vật liệu composite gỗ nhựa thấu quang/	80% trở lên. - Dự thảo quy trình công nghệ tạo vật liệu composite gỗ nhựa thấu quang có độ truyền qua quang học trên 70%, quy trình ổn định ở quy mô phòng thí nghiệm. - 10 mẫu vật liệu composite gỗ nhựa thấu quang kích thước dài 25cm x rộng 25cm x dày 3 mm					
33.	Nghiên cứu tạo ván dán bằng chất kết dính có nguồn gốc sinh học từ axit citric và sucrose	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam/ TS. Nguyễn Đức Thành	- Xác định được tỷ lệ phối trộn axit citric và sucrose để tạo chất kết dính gỗ thân thiện môi trường sử dụng trong sản xuất ván dán. - Dự thảo được quy trình công nghệ tạo ván dán thân thiện môi trường sử dụng chất kết dính từ axit citric và sucrose (quy mô Phòng thí nghiệm). - Tạo được 0,1 m <sup>3</sup> sản phẩm ván dán thân thiện môi trường sử dụng chất kết	- Dự thảo quy trình công nghệ tạo ván dán sử dụng chất kết dính từ axit citric và sucrose (quy mô phòng thí nghiệm), đảm bảo chất lượng sản phẩm ván dán tạo ra đạt: Trương nở chiều dày: <12%; Độ bền uốn tĩnh: > 50 MPa; Chất lượng dán dính: > 1,5 MPa; không chứa formaldehyde. - 0,1 m <sup>3</sup> Ván dán sử dụng chất kết dính từ axit citric và sucrose, đáp ứng yêu cầu sử dụng trong nội thất; - 01 Bài báo khoa học	2020 - 6/2021	400	250	150	

TT	Tên Đề tài	Tổ chức/ cá nhân chủ trì	Mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (Tr. đồng)	Kinh phí các năm (Tr.đồng)		
							2020	2021	2022
			dính từ axit citric và sucrose.						
34.	Nghiên cứu thành phần và đề xuất các loài song mây có giá trị kinh tế cao cho bảo tồn và gây trồng theo vùng sinh thái.	Viện Điều tra, Quy hoạch rừng/TS Nguyễn Quốc Dũng	Nghiên cứu được thành phần loài song mây trong toàn quốc, xác định được các loài cần phải bảo tồn và các loài có giá trị kinh tế cao đề xuất đưa vào gây trồng và phát triển theo một số vùng sinh thái	- 01 sơ đồ phân bố một số loài song mây có giá trị. - 01 báo cáo đánh giá thành phần loài song mây và các giải pháp đề xuất bảo tồn, gây trồng và phát triển, bao gồm: + 01 danh lục song mây toàn quốc. + 01 danh lục song mây bị đe dọa theo Sách đỏ Việt Nam và IUCN. + 01 danh lục song mây có giá trị kinh tế cao đề xuất gây trồng theo một số vùng sinh thái. + 01 các danh sách đề xuất khu vực bảo tồn song mây theo vùng sinh thái. + Đề xuất các nội dung nghiên cứu tiếp theo về các mô hình bảo tồn và phát triển song mây cho một số vùng sinh thái.	2020-2021	400	250	150	
35.	Nghiên cứu xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ địa không gian trong dự báo và giám sát dịch Sâu róm thông ở khu vực Bắc Trung Bộ	Trường Đại học Lâm nghiệp/ PGS. TS. Phùng Văn Khoa	Bước đầu xác định được cơ sở khoa học cho dự báo và giám sát dịch Sâu róm thông ở tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An bằng công nghệ địa không gian	- Thành lập được bản đồ số về các yếu tố chính ảnh hưởng đến dịch Sâu róm thông (mỗi tỉnh 1 bộ); - Thành lập được bản đồ phân vùng trọng điểm phát dịch Sâu róm thông (bản đồ số, mỗi tỉnh 1 bản đồ).	2020-2021	400	250	150	
36.	Nghiên cứu kỹ thuật phục	Trường Đại học Lâm	- Tổng hợp được một số thông tin	- 4,5 ha mô hình thí nghiệm khoanh nuôi phục hồi rừng Mạy chà tại khu vực Tây	2020-12/2021	400	230	170	

TT	Tên Đề tài	Tổ chức/ cá nhân chủ trì	Mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (Tr. đồng)	Kinh phí các năm (Tr.đồng)		
							2020	2021	2022
	hồi rừng Mạ chà ( <i>Arundinaria</i> sp.) tại khu vực Tây Bắc nhằm cung cấp nguyên liệu bền vững	ngiệp/ PGS.TS. Lê Xuân Trường	chung về loài Mạ chà tại khu vực Tây Bắc. - Thiết lập được các công thức thí nghiệm nhân giống và đánh giá được các giải pháp kỹ thuật trong nhân giống Mạ chà bằng giâm hom thân ngâm. - Xây dựng được 4,5 ha mô hình thí nghiệm khoanh nuôi phục hồi rừng Mạ chà tại khu vực Tây Bắc.	Bắc. - Đánh giá được các giải kỹ thuật nhân giống Mạ chà bằng giâm hom thân ngâm và kỹ thuật khoanh nuôi phục hồi rừng Mạ chà tại khu vực Tây Bắc.					
37.	Nghiên cứu lựa chọn một số loài cây tiềm năng từ Vườn quốc gia Ba Vì nhằm bổ sung danh mục cây trồng rừng gỗ lớn	Vườn Quốc gia Ba Vì/ TS. Trần Minh Tuấn	- Lựa chọn được một số loài cây gỗ lớn tiềm năng từ Vườn quốc gia Ba Vì để bổ sung danh mục loài cây trồng rừng gỗ lớn. - Đề xuất được hướng sử dụng một số loài tiềm năng để trồng rừng gỗ lớn cung	- 01 bộ tiêu chí chọn loài cây trồng rừng gỗ lớn tiềm năng từ Vườn quốc gia Ba Vi. - 01 danh mục các loài cây sơ tuyển và danh mục các loài cây được lựa chọn để trồng thử nghiệm (5-6 loài). - 02 ha rừng trồng thử nghiệm cho các loài được lựa chọn. - 01 báo cáo đề xuất hướng sử dụng 03 loài cây tiềm năng để trồng rừng gỗ lớn.	2020-2022	450	230	170	50

TT	Tên Đề tài	Tổ chức/ cá nhân chủ trì	Mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (Tr. đồng)	Kinh phí các năm (Tr.đồng)		
							2020	2021	2022
			cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến gỗ.						
38.	Nghiên cứu phát triển một số loài cây thuốc có giá trị tại Vườn quốc gia Bạch Mã theo hướng sản xuất hàng hóa	Vườn Quốc gia Bạch Mã/ TS. Nguyễn Vũ Linh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được một số đặc điểm sinh học và thực trạng khai thác, phát triển của ít nhất 02 loài cây thuốc có giá trị, có tiềm năng phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa.</li> <li>- Thử nghiệm được kỹ thuật nhân giống và trồng ít nhất 02 loài đã lựa chọn.</li> <li>- Đề xuất được một số giải pháp phát triển các loài đã lựa chọn theo hướng sản xuất hàng hóa.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 báo cáo về đặc điểm sinh học, thực trạng khai thác, sử dụng và thị trường của ít nhất 02 loài cây thuốc có giá trị tại VQG Bạch Mã.</li> <li>- 3.000 cây giống của ít nhất 02 loài cây thuốc đủ tiêu chuẩn đem trồng (1.500 cây/loài).</li> <li>- 3.000 m<sup>2</sup> trồng thử nghiệm 02 loài cây thuốc tại VQG Bạch Mã (1.500m<sup>2</sup>/loài).</li> <li>- 01 báo cáo đề xuất một số giải pháp phát triển các loài đã lựa chọn theo hướng sản xuất hàng hóa.</li> </ul>	2020-2022	450	230	170	50
<b>V</b>	<b>Thủy sản</b>					<b>2910</b>	<b>1850</b>	<b>1060</b>	
39.	Nghiên cứu tạo sản phẩm từ rơm, rạ dùng kiểm soát tảo trong	Viện Nghiên cứu NTTS I/ TS. Phạm Thái Giang	Thăm dò khả năng tạo sản phẩm từ rơm, rạ có hoạt chất kiểm soát tảo trong ao	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo các hoạt chất có trong rơm rạ có khả năng kiểm soát tảo trong ao nuôi thủy sản.</li> <li>- Báo cáo kết quả thử nghiệm và đề xuất tiềm năng sử dụng sản phẩm sản xuất từ</li> </ul>	2020-2021	500	310	190	



TT	Tên Đề tài	Tổ chức/ cá nhân chủ trì	Mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (Tr. đồng)	Kinh phí các năm (Tr.đồng)		
							2020	2021	2022
	ao nuôi thủy sản		nuôi thủy sản	rom rạ trong kiểm soát tảo trong ao nuôi. - 02 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành.					
40.	Xây dựng quy trình công nghệ lưu giữ và nhân nhanh sinh khối copepods	Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III/ ThS. Hoàng Thị Châu Long	Xây dựng quy trình công nghệ lưu giữ và nhân nhanh sinh khối copepods ở mật độ cao, đạt chất lượng cao phục vụ sản xuất giống các đối tượng thủy sản góp phần thúc đẩy sản xuất thủy sản hiệu quả, bền vững.	- Quy trình công nghệ lưu giữ tối ưu copepods quy mô phòng thí nghiệm. - Quy trình công nghệ nhân nhanh sinh khối copepods ổn định, liên tục ở mật độ cao (4000 - 5000 cá thể/lít). - 40 kg sản phẩm copepods, chất lượng copepods khỏe mạnh, sạch bệnh và giàu dinh dưỡng. - 01 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành.	2020-08/2021	480	300	180	
41.	Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ nuôi thương phẩm cá mú Úc - <i>Maccullochel la peelii peelii</i> (Mitchell, 1838)	Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III/ KS. Lê Văn Diệu	Xây dựng được quy trình công nghệ nuôi thương phẩm cá mú Úc	- Quy trình công nghệ nuôi thương phẩm cá mú Úc: năng suất >20 kg/m <sup>3</sup> , tỷ lệ sống >70%, kích cỡ cá thương phẩm đạt trung bình >1 kg/con/12 tháng. - Cá thương phẩm: 2.000 kg, cỡ cá >1kg/con, đạt an toàn thực phẩm. - 01 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành.	2020 – 2021	500	300	200	
42.	Nghiên cứu công nghệ nuôi sinh khối vi tảo <i>Nannochloro</i>	Viện Nghiên cứu Hải sản/ TS. Nguyễn Hữu Hoàng	Xây dựng được Quy trình công nghệ sinh khối vi tảo <i>N. oculata</i> bằng màng kép sinh	- Hệ thống thiết bị và kỹ thuật vận hành nuôi vi tảo <i>N. oculata</i> dạng màng kép quy mô phòng thí nghiệm. - Quy trình công nghệ nuôi sinh khối vi tảo <i>N. oculata</i> bằng màng kép sinh học,	2020-2022	500	320	180	

TT	Tên Đề tài	Tổ chức/ cá nhân chủ trì	Mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (Tr. đồng)	Kinh phí các năm (Tr.đồng)		
							2020	2021	2022
	<i>psis oculata</i> bằng màng kép sinh học		học đạt năng suất cao, quy mô phòng thí nghiệm	quy mô phòng thí nghiệm, đạt năng suất ≤ 10g tảo tươi dạng sệt/m <sup>2</sup> màng. - 01 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành					
43.	Nghiên cứu ứng dụng hệ thống quang sinh học photobioreact or để nuôi sinh khối tảo	Học viện Nông nghiệp Việt Nam/ ThS. Phí Thị Cầm Miện	Có được hệ thống quang sinh học và quy trình công nghệ nuôi sinh khối tảo <i>Chaetoceros calcitrans</i> và <i>Skeletonema costatum</i> phục vụ sản xuất giống hải sản	- Hồ sơ thiết kế hệ thống quang sinh học tích hợp đèn led đơn sắc, quy mô 2000 lít. - Quy trình công nghệ ứng dụng hệ thống quang sinh học nuôi sinh khối 2 loài vi tảo, đạt mật độ > 5.10 <sup>7</sup> tế bào/ml đối với <i>Chaetoceros calcitrans</i> và > 3.10 <sup>8</sup> tế bào/ml đối với <i>Skeletonema costatum</i> (qui mô 200 lít). - 2000 lít tảo giống <i>Chaetoceros calcitrans</i> , đạt mật độ > 5.10 <sup>7</sup> tế bào/ml - 2000 lít tảo giống <i>Skeletonema costatum</i> , đạt mật độ > 3.10 <sup>8</sup> tế bào/ml - 01 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành - Đào tạo 01 thạc sỹ công nghệ sinh học	2020-06/2021	450	300	150	
44.	Hoàn thiện quy trình công nghệ ương giống cá tra	Viện Nghiên cứu NTTS II/ ThS. Trần Hữu Phúc	Xây dựng được quy trình công nghệ ương giống cá tra chất lượng cao.	- Quy trình công nghệ ương giống cá tra chất lượng cao đạt các chỉ tiêu: + Mật độ > 2.000 con/m <sup>3</sup> + Tỷ lệ sống từ cá bột lên cá hương > 40% + Cá hương sạch bệnh gan thận mù, xuất huyết, ký sinh trùng. - 01 mô hình ứng dụng quy trình công nghệ ương giống cá tra chất lượng cao từ bột lên hương. - 300.000 cá tra hương sạch bệnh gan thận mù, xuất huyết, ký sinh trùng. - 01 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành.	2020-06/2021	480	320	160	

TT	Tên Đề tài	Tổ chức/ cá nhân chủ trì	Mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (Tr. đồng)	Kinh phí các năm (Tr.đồng)		
							2020	2021	2022
<b>VI</b>	<b>Thủy lợi - Phòng chống thiên tai</b>					<b>3110</b>	<b>1910</b>	<b>1200</b>	
45.	Nghiên cứu cơ sở khoa học nhằm ứng dụng công nghệ viễn thám trong đánh giá, giám sát độ sụt lún của đập thủy lợi đối với các đập không có hoặc thiếu số liệu quan trắc	Phòng Đào tạo, Hợp tác Quốc tế, Viện Quy hoạch Thủy lợi/ ThS. Hoàng Tiến Thành	Cơ sở khoa học và ứng dụng được công nghệ viễn thám trong đánh giá, giám sát độ sụt lún của đập thủy lợi đối với các đập không có số liệu quan trắc hoặc số liệu quan trắc không đầy đủ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả đánh giá, lựa chọn giải pháp công nghệ viễn thám trong giám sát độ sụt lún của đập.</li> <li>- Báo cáo kết quả ứng dụng giải pháp công nghệ viễn thám trong giám sát độ sụt lún đập cho 01 công trình cụ thể trong vùng nghiên cứu.</li> <li>- Đề xuất giải pháp công nghệ ảnh viễn thám, ứng dụng trong đánh giá, giám sát độ sụt lún của đập.</li> <li>- 01 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành.</li> </ul>	2020-2021	430	250	180	
46.	Nghiên cứu phát triển giải pháp trạm khí tượng thủy lợi thông minh phục vụ hiện đại hóa quản lý và vận hành các hệ thống công trình thủy lợi vừa và nhỏ trong điều kiện biến đổi khí hậu	Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam/ TS. Nguyễn Xuân Lâm	Ứng dụng và phát triển được giải pháp mô hình trạm khí tượng thủy lợi thông minh phục vụ hiện đại hóa quản lý và vận hành các hệ thống công trình thủy lợi vừa và nhỏ trong điều kiện biến đổi khí hậu.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo cơ sở khoa học về giải pháp giám sát và dự báo tại chỗ dựa trên các dự báo toàn cầu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và các công nghệ kết nối IOT.</li> <li>- Báo cáo ứng dụng và phát triển mở rộng hệ điều hành cho trạm tạo nền tảng kết nối với các trạm vệ tinh/cảm biến, cài đặt các ứng dụng thu phóng và hiệu chỉnh dự báo khí tượng toàn cầu, dự báo dòng chảy, nhu cầu nước và hỗ trợ quyết định vận hành hồ.</li> <li>- Báo cáo thí điểm hệ thống phân cứng và mô hình tính toán được phát triển – áp dụng thí điểm cho một hồ chứa vừa và nhỏ.</li> <li>- 01 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành.</li> </ul>	2020-2021	480	300	180	
47.	Nghiên cứu	Viện Thủy	Ứng dụng được	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo giải pháp cải tạo, nâng cấp</li> </ul>	2020-6/2021	480	300	180	

TT	Tên Đề tài	Tổ chức/ cá nhân chủ trì	Mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (Tr. đồng)	Kinh phí các năm (Tr.đồng)		
							2020	2021	2022
	ứng dụng công nghệ cửa van cao su bản mặt phục vụ cải tạo, nâng cấp công trình đầu mối hồ chứa.	Công - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam/ KS. Nguyễn Văn Thanh	công nghệ cửa van cao su bản mặt phục vụ cải tạo, nâng cấp công trình đầu mối hồ chứa đảm bảo an toàn, hiệu quả.	<p>công trình đầu mối hồ chứa theo mục đích sử dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả nghiên cứu về công nghệ cửa van cao su bản mặt, gồm: Báo cáo phân tích về vật liệu, thiết bị sử dụng; Báo cáo tính toán, thiết kế cửa van cao su bản mặt; Báo cáo hướng dẫn thi công cửa van cao su bản mặt.</li> <li>- Báo cáo kết quả nghiên cứu thí nghiệm trên mô hình vật lý về cấu tạo, nguyên lý làm việc, tải trọng, chế độ thủy lực (Q, h) của giải pháp công nghệ cửa van cao su bản mặt.</li> <li>- Báo cáo đánh giá hiệu quả kinh tế, kỹ thuật của giải pháp công nghệ cửa van cao su bản mặt.</li> <li>- 01 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành.</li> </ul>					
48.	Nghiên cứu xây dựng bản đồ nguy cơ trượt lở đất dựa trên các kịch bản mưa lớn ở độ phân giải cao kết hợp với điều kiện địa hình, địa mạo, địa chất công trình- Ứng dụng cho lưu vực sông Thao - Việt	Trường Đại học Thủy lợi/ TS. Trần Thế Việt	- Đề xuất được giải pháp, công nghệ và phương pháp kết hợp tính toán mô phỏng cảnh báo trượt lở đất dựa trên các kịch bản mưa lớn ở độ phân giải cao và các điều kiện địa hình, địa mạo, địa chất công trình xây dựng bản đồ nguy cơ trượt lở đất.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải pháp, công nghệ và phương pháp kết hợp tính toán mô phỏng cảnh báo trượt lở đất dựa trên các kịch bản mưa lớn ở độ phân giải cao và các điều kiện địa hình, địa mạo, địa chất công trình xây dựng bản đồ nguy cơ trượt lở đất.</li> <li>- Các kịch bản mưa lớn ở độ phân giải cao sử dụng phương pháp động lực; Cơ sở dữ liệu khí tượng, địa chất và các dữ liệu toàn cầu reanalysis; Các nhân tố chủ yếu tác động đến quá trình trượt lở của lưu vực sông Thao - Việt Nam.</li> <li>- Xây dựng bản đồ nguy cơ trượt lở đất dựa trên các kịch bản mưa lớn ở độ phân giải cao kết hợp với điều kiện địa hình, địa mạo, địa chất công trình - Ứng dụng</li> </ul>	2020-6/2021	430	280	150	



TT	Tên Đề tài	Tổ chức/ cá nhân chủ trì	Mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (Tr. đồng)	Kinh phí các năm (Tr.đồng)		
							2020	2021	2022
	Nam		- Xây dựng bản đồ cảnh báo trượt lở đất dựa trên các kịch bản mưa lớn kết hợp với điều kiện địa hình, địa mạo, địa chất công trình cho lưu vực sông Thao-Việt Nam làm cơ sở phục vụ quy hoạch phát triển kinh tế xã hội đảm bảo phát triển bền vững.	cho lưu vực sông Thao, Việt Nam. - 01 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành.					
49.	Nghiên cứu giải pháp gia cố bằng vật liệu hạt mịn từ chất thải công nghiệp tăng cường chống thấm cho các công trình đất đắp	Trưởng Đại học Thủy lợi/ TS. Nguyễn Công Thắng	Xác định được tỷ lệ hợp lý của các thành phần vật liệu gia cố đáp ứng yêu cầu chống thấm, ổn định công trình đất	- Báo cáo nghiên cứu cấu trúc vi mô và các đặc tính vật lý và cơ học của vật liệu gia cố. - Xác định tỷ lệ hợp lý của các thành phần vật liệu gia cố chống thấm, ổn định công trình. - Đề xuất kỹ thuật và công nghệ gia cố ổn định và chống thấm công trình đất đắp bằng tro xỉ. - 01 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành.	2020-2021	430	250	180	
50.	Nghiên cứu thử nghiệm hệ thống cảnh báo lũ, lũ quét trên nền Web-GIS cho	Phòng Thí nghiệm trọng điểm Quốc gia về Động lực học sông	- Đề xuất cơ sở khoa học thiết lập hệ thống cảnh báo lũ, lũ quét (bao gồm lựa chọn địa điểm,	- Báo cáo xây dựng cơ sở khoa học thiết lập hệ thống cảnh báo lũ, lũ quét và lựa chọn địa điểm lắp đặt hệ thống. - Báo cáo phân tích quá trình lũ phục vụ công tác cảnh báo sớm. - Báo cáo phân tích mối quan hệ giữa	2020-6/2021	430	250	180	

TT	Tên Đề tài	Tổ chức/ cá nhân chủ trì	Mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí (Tr. đồng)	Kinh phí các năm (Tr.đồng)			
							2020	2021	2022	
	lưu vực sông Nghĩa Lộ, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái	biển - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam/ ThS. Lê Văn Thìn	yêu cầu hệ thống, phương thức cảnh báo, quy mô cảnh báo, và thiết lập các mức cảnh báo). - Xây dựng giao diện quản lý, vận hành hệ thống cảnh báo lũ, lũ quét trên nền Web-GIS.	lượng mưa - lưu lượng - mực nước trên sông dựa trên các kịch bản mưa để xây dựng các mức cảnh báo. - Báo cáo xây dựng mô hình hệ thống quan trắc tự động và hỗ trợ ra quyết định cảnh báo lũ, lũ quét trên nền Web-GIS. - 01 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành.						
51.	Nghiên cứu áp dụng bộ chỉ số giám sát, dự báo năng suất và sản lượng cây trồng từ hệ thống CropWatch nhằm đề xuất vận hành hiện quả hệ thống thủy lợi, thí điểm tại tỉnh Ninh Thuận	Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam/ Trần Đức Trình	Xây dựng được giải pháp tích hợp bộ chỉ số giám sát, dự báo năng suất và sản lượng cây trồng với khả năng vận hành cấp nước tưới của hệ thống thủy lợi vùng thí điểm (lúa, cho vùng thí điểm của tỉnh Ninh Thuận) hỗ trợ nâng cao năng suất và hiệu quả vận hành hệ thống tưới.	- Báo cáo đề xuất cơ sở khoa học để xây dựng bộ chỉ số giám sát và dự báo sức khỏe, sản lượng và năng suất cây trồng. - Đề xuất giải pháp tích hợp các chỉ số thành một hệ thống hỗ trợ vận hành thủy lợi nâng cao năng suất cây lúa trong tỉnh Ninh Thuận. - Định hướng nghiên cứu phát triển hệ thống CropWatch và giải pháp mở rộng phạm vi ứng dụng hệ thống các loại cây trồng khác cho các vùng khác ở Việt Nam. - 01 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành.	2020-6/2021	430	280	150		
<b>TỔNG CỘNG</b>							<b>21.998</b>	<b>12.580</b>	<b>7.458</b>	<b>1.960</b>